

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2024
v/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lương Thanh Kỳ** và bà **Nguyễn Thị Quy .**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Thành Trung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trần Xuân Tới** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 110/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Bích P**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn N**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2024, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Trần Thị Bích P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 141 ngày 28/11/2019. Vợ chồng chị sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn vì quan điểm sống không hợp nhau, không tôn trọng, yêu thương, chăm sóc mà luôn cãi vã và xúc phạm danh dự nhân phẩm nhau. Chị và anh N

đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Tình cảm không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên là Trần Quốc B, sinh ngày 13/11/2019. Hiện cháu B đang chung sống với anh N, chị P tự nguyện giao cháu B cho anh N chăm sóc sau ly hôn. Chị P không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Trần Thị Bích P đề nghị Toà án giải quyết ly hôn vắng mặt trong các buổi làm việc, các phiên họp, hoà giải và xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2024, biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn N trình bày:

Anh và chị Trần Thị Bích P sau khi tìm hiểu thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 141 ngày 28/11/2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, kinh tế khó khăn nên dẫn đến cãi vã. Mâu thuẫn kéo dài đến đầu năm 2023 thì anh và chị P sống ly thân cho đến nay. Chị Trần Thị Bích P yêu cầu ly hôn thì anh N không đồng ý vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung tên là Trần Quốc B, sinh ngày 13/11/2019. Hiện cháu B đang chung sống với anh. Từ lúc vợ chồng ly thân thì anh vẫn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị P ly hôn thì anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu B và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang làm thợ sơn nước, thu nhập trung bình 13-14.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Bản sao CCCD; Xác nhận thông tin cư trú; Bản sao giấy khai sinh con chung; Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Bản tự khai; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Bị đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Bản photo CCCD.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/7/2024; biên bản xác minh ngày 24/7/2024 về nơi cư trú của đương sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng

dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị Trần Thị Bích P ly hôn với anh Trần Văn N; Về con chung: Giao con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 13/11/2019 cho anh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu nên tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị P; Về tài sản chung và nợ chung: Chị P, anh N trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:

Chị Trần Thị Bích P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N và đồng ý giao con chung cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Văn N có nơi cư trú tại: ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất và hoãn phiên tòa để triệu tập lại nhưng anh N vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Đối với nguyên đơn chị Trần Thị Bích P vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị P, anh N theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

Chị Trần Thị Bích P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn N vì vậy chị P là nguyên đơn; anh N là bị đơn theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị P, anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 141 ngày 28/11/2019. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Đời sống hôn nhân của chị P, anh N hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị P trình bày và sự thừa nhận của anh N là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên thường xảy ra cãi vã, hiện nay đã sống ly thân từ đầu năm 2023, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Bị đơn anh Trần Văn N tuy thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật nhưng không đồng ý ly hôn với chị P. Anh N không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chính minh cho sự phản đối của mình nên đã vi phạm nghĩa vụ chứng minh tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu phản đối của bị đơn là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Vì vậy có đủ cơ sở xác định vợ chồng chị P, anh N đã có những mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị P, anh N trình bày vợ chồng 01 con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 13/11/2019. Chị P đồng ý giao con chung cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Anh N cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu B trong trường hợp ly hôn với chị P. Qua sự thừa nhận của các đương sự thì hiện cháu B đang sống chung với anh N, để bảo đảm cuộc sống cho con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định vấn đề tinh thần, tâm lý cho trẻ nên tiếp tục giao con chung cho anh N nuôi dưỡng là có cơ sở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh N không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị P.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P, anh N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết vì vậy không xem xét.

[7] Về án phí: Chị P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích P về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Trần Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích P được ly hôn anh Trần Văn N.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 13/11/2019 cho anh Trần Văn N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Tạm thời miễn cho chị P nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, chị P và anh N được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Bích P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị P đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0014467 ngày 12/6/2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí. Chị P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Bích P và anh Trần Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Cường;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh

